

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 10 - 2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Văn Thành

Ông Nguyễn Văn Doanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Tùng- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/9/2018 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/10/2018, giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thái B - Sinh năm: 1996.

Nơi ĐKKHKT: TDP P, TT C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ: Xóm 1, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn T - Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: TDP P, TT C, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt chị B, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 25 /6 /2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thái B trình bày:

Chị và anh Trần Văn T kết hôn ngày 05/12/2014 có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND TT C, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung

sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm, anh T không chăm lo gia đình và vướng vào các tệ nạn xã hội. Từ tháng 11/2017 vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Trần Hoàng P - Sinh ngày 18 tháng 5 năm 2015. Hiện tại con đang ở với chị ở xóm 1, xã H, huyện H từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn chị nhận nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2018 và tại phiên tòa, anh Trần Văn T trình bày: Thời gian kết hôn đúng như chị B đã khai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2017. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên chị B có đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Đúng như chị B đã khai. Hiện tại con chung đang ở với chị B. Khi ly hôn anh nhận nuôi con và không yêu cầu chị B cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị B vẫn giữ nguyên quan điểm như trên. Về yêu cầu nuôi con chung của anh T chị B nhất trí nhưng với điều kiện là chị sẽ nuôi cháu P đến khi cháu vào lớp 1, sau đó sẽ để anh T nuôi vì con chung hiện tại còn nhỏ, hay đau ốm và đã ở với chị từ khi hai vợ chồng ly thân.

- Anh T trình bày: Bản thân làm nghề vận tải biển, thu nhập khoảng hơn 15 triệu đồng một tháng, đủ điều kiện để nuôi con, mẹ anh còn khỏe mạnh có thể trông con cho anh được; gia đình anh theo đạo thiên chúa nên muốn con ở chung với ông bà và bố để có điều kiện theo học kinh sách.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS.

Nguyên đơn, đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị B, anh T đã sống ly thân từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, các bên đều nhất trí ly hôn nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55 Luật hôn và nhân gia đình đề nghị HĐXX xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thái B và anh Trần Văn T.

Về con chung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 81; 82; 83 giao con chung của vợ chồng là Trần Hoàng P - Sinh ngày 18 tháng 5 năm 2015 cho chị B nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị B về việc không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị B nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn T nhưng T không đến Tòa án làm việc là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Thái B và anh Trần Văn T kết hôn ngày 05/12/2014 có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND TT C, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2017.

Sau khi chị B có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị B cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc.

Theo yêu cầu của chị B, TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành thu thập chứng cứ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/10/2018, và tại phiên tòa anh Trần Văn T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên chị B có đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Hội đồng xét xử thấy: Chị B và anh T đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh T đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chị B xin ly hôn anh T cũng nhất trí là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: vợ chồng có một con chung là Trần Hoàng P - Sinh ngày 18 tháng 5 năm 2015 hiện tại đang ở với chị B. Khi ly hôn cả chị B và anh T đều có yêu cầu được nuôi con chung và không bên nào yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nuôi con chung của các đương sự HĐXX thấy: Hiện tại con chung của vợ chồng đang ở cùng chị B tại xóm 1, xã H, huyện H từ khi vợ chồng sống ly thân (tháng 11 năm 2017) tới nay.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/10/2018 và tại phiên tòa anh T thừa nhận hiện đang làm nghề lái tàu thủy, công việc có tính chất lưu động nếu có nuôi con chung thì cũng nhờ mẹ và em gái trông giúp. Mặt khác, hiện tại con chung của vợ

chồng mới hơn 40 tháng tuổi, đang ở cùng chị B từ khi vợ chồng sống ly thân (tháng 11/2017) tới nay, vì vậy để đảm bảo ổn định cho việc chăm sóc giáo dục con chung cần giao cho chị B có trách nhiệm nuôi dưỡng giáo dục con chung của vợ chồng. Việc chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện chị B và anh T có tài sản, khoản nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị B phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thái B và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thái B có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Trần Hoàng P - Sinh ngày 18 tháng 5 năm 2015.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị B về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Thái B phải nộp 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền chị B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04860 ngày 11/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thái B, Trần Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND TT C, huyện T;
- UBND xã H, huyện H;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà